

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hữu Bằng
Ông Lê Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng B, sinh ngày 06/10/1994; Căn cước công dân số ; quê quán: Phù Mỹ, Bình Định; nơi thường trú: Số nhà I, Đường P, khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Ngọc C, sinh ngày 10/02/1991; Căn cước công dân số: ; quê quán: Hoài Thanh Tây, H, Bình Định; nơi thường trú: Số nhà I, Đường P, khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai. (Ông C hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực H, đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà B trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Phan Ngọc

Châu đăng ký kết hôn ngày 23/7/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 64) tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Gia Lai). Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp trong tính cách, chồng ham chơi, cờ bạc, không lo được cho vợ và các con. Bà B đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông C vẫn không thể khắc phục được. Vợ chồng đã không sống chung hơn một năm nay. Nay bà B không thể tiếp tục chung sống với ông C được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C. Về con chung: Có 02 con tên Phan Trần Xuân T, sinh ngày 11/11/2019 và Phan Trần Xuân N, sinh ngày 04/12/2023. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Về tài sản, nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2025, ông Phan Ngọc C trình bày: Ông và bà Trần Thị Hồng B kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Gia Lai). Về yêu cầu ly hôn của bà B, ông không đồng ý. Vợ chồng chỉ cãi vã, không có mâu thuẫn gì lớn. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc 02 con. Vợ chồng đã không sống chung từ trước Tết nguyên đán năm 2025. Về con chung: Có hai con chung tên Phan Trần Xuân T, sinh năm 2019 và Phan Trần Xuân N, sinh năm 2023. Trường hợp ly hôn, ông cũng đồng ý giao hai con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng vì hai con còn nhỏ. Về tài sản, nợ chung: Không có. Về việc tham gia tố tụng tại tòa, ông có ý kiến: Ông hiện đang bị tạm giam nên không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập của Tòa án được. Do đó, ông đề nghị được xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà B, cho ly hôn với ông C; giao hai con chung tên Phan Trần Xuân T, sinh ngày 11/11/2019 và Phan Trần Xuân N, sinh ngày 04/12/2023 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà B, không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con; về tài sản, nợ chung: Không có nên không xét; về án phí: Bà B phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà B yêu cầu ly hôn ông C, yêu cầu giải quyết về con chung nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường H, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông C đề nghị xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà B và ông C đã không còn chung sống với nhau. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, bà B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà B và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà B ly hôn ông C.

[4] Về con chung: Hai cháu Phan Trần Xuân T, sinh ngày 11/11/2019 và Phan Trần Xuân N, sinh ngày 04/12/2023 hiện đang do bà B chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, bình thường. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu T, cháu N cần giao hai cháu cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B, không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

[6] Về tài sản, nợ chung: Không có.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Hồng B. Cho bà Trần Thị Hồng B được ly hôn ông Phan Ngọc C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Xuân T, sinh ngày 11/11/2019 và cháu Phan Trần Xuân N, sinh ngày 04/12/2023 cho bà Trần Thị Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Hồng B, không yêu cầu ông Phan Ngọc C cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản, nợ chung: Không có.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002913 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Gia Lai) nên được khấu trừ, bà B đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng